

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG THEO HIỆN TRẠNG ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH BẢN ĐỒ
(THẨM ĐỊNH ĐỢT 19, THẨM ĐỊNH LẠI ĐỢT 1, 3, 5, 7, 8, 9 và 17)**

Dự án: Tiểu dự án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025

Địa điểm: xã Hành Minh, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Công văn số /UBND ngày /4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hành)

STT	Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000								Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2014					Ghi chú
	Chủ sử dụng	Số thửa	Diện tích(m2)					Loại đất	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	GCNQSD đất	
			Trích lục	Chỉnh lý	Tổng quy hoạch	QH nằm ngoài HLAT GT và Kênh	QH nằm trong HLATGT và Kênh							
1	UBND xã Hành Minh	605	907,3		25,5	25,5		HNK	3	605	907,3	BHK		thẩm định lại đợt 1
2	UBND xã Hành Minh	459	5438,5		3189,1	3189,1		CLN	7	459	5.438,5	CLN		thẩm định lại đợt 1
3	UBND xã Hành Minh	631	3667,5		3632,7	3504	128,7	NTD	10	631	3.667,5	NTD		thẩm định lại đợt 1
4	UBND xã Hành Minh	654	1015,2		474,8	474,8		HNK	3	654	1.015,2	BHK		thẩm định lại đợt 3
5	UBND xã Hành Minh	625	1338,9		1310,3	1310,3		HNK	3	625	1.338,9	BHK	CV1694/CNHNH	thẩm định lại đợt 5
6	Bà: Bùi Thị Diễm	565	312,9		312,9	312,9		HNK	3	565	312,9	BHK	CV2339/UBND	thẩm định lại đợt 5

STT	Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000								Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2014					Ghi chú
	Chủ sử dụng	Số thửa	Diện tích(m2)					Loại đất	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	GCNQSD đất	
			Trích lục	Chính lý	Tổng quy hoạch	QH nằm ngoài HLAT GT và Kênh	QH nằm trong HLATGT và Kênh							
7	Bà: Bùi Thị Kim Nga	1038		563,9	396,2	396,2		HNK	3	761	1.117,6	BHK	CV2344/UBND	thẩm định lại đợt 5
8	Ông: Lê Văn Lũy	586	496,4		166,8	166,8		LUC	10	586	496,4	LUC	CV2344/UBND	thẩm định lại đợt 5
9	Bà: Nguyễn Thị Ánh (chết) con Chế Thị Tuyết kê khai	566	1260,8		1234,2	1234,2		HNK	3	566	1.260,8	BHK	CV2344/UBND	thẩm định lại đợt 7
10	Ông: Lê Thu	655	847,9		800,1	800,1		HNK	3	655	847,9	BHK	CV2339/UBND	thẩm định lại đợt 7
11	Ông: Đỗ Bông (chết)- Đỗ Thị Kim Huệ (con- đại diện kê khai)	545	1860,1		1290,6	1290,6		HNK	3	545	1.860,1	BHK	CV 576/UBND	thẩm định lại đợt 8
12	Bà: Nguyễn Thị Chung - chồng Nguyễn Nhứt (chết)	1275		694,2	102	102		HNK	7	422	1.764,7	BHK	CV710/UBND	thẩm định lại đợt 9
13	UBND xã Hành Minh	444		2901,3	1869,2	1869,2		SON	2					thẩm định lại đợt 17
14	UBND xã Hành Minh	588	771,3		282,7	282,7		HNK	10	588	771,3	BHK		thẩm định lại đợt 17

STT	Tờ BĐĐC khu đất tỷ lệ 1/2000								Tờ BĐĐC tỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2014					Ghi chú
	Chủ sử dụng	Số thửa	Diện tích(m2)					Loại đất	Tờ BĐ ĐC	Số thửa	Diện tích (m2)	Loại đất	GCNQSD đất	
			Trích lục	Chính lý	Tổng quy hoạch	QH nằm ngoài HLAT GT và Kênh	QH nằm trong HLATGT và Kênh							
15	UBND xã Hành Minh	982		1588,8	1108,3	1108,3		DTL	10	982		DTL		thẩm định lại đợt 17
16	Ông: Nguyễn An	602		1258,1	17,5	17,5		LUC	10	602	1.231,3	LUC	CV2344/UBND	thẩm định lại đợt 17
17	Hộ bà: Nguyễn Thị Phương	638	653,2		16,1	16,1		HNK	3	638	653,2	BHK	01234	thẩm định đợt 19
18	UBND xã Hành Minh	546	792,5		96,2	96,2		HNK	3	546	792,5	BHK		thẩm định đợt 19
Tổng		18	19.362,5	7.006,3	16.325,2	16.196,5	128,7							